



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028 38817289 Fax: 028 38817385

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android. Công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 49/2019

03/12/2019 – 09/12/2019

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số thuê tàu BDI tuần này không có gì thay đổi so với tuần trước, vẫn ở mức 1.558 điểm. Tuy nhiên, giao dịch mua bán cực kỳ sôi động, với hơn 10 giao dịch thành công. Ở phân khúc tàu handysize trẻ, tàu Lake Hakone (28.496 dwt, đóng 2010 Nhật DD 4/2020 SS 4/2022) được chủ tàu Nhật bán với giá 7,5 triệu đô la Mỹ. So với tàu tương tự Prinsesa Maganda (28.361 dwt, đóng 2012) trẻ hơn 2 tuổi bán giá 8,6 triệu đô la Mỹ cách đây 3 tuần thì giá bán tàu Lake Hakone là hợp lý. Chủ tàu Nhật NYK cũng bán tàu Lodestar Princess (31.901 dwt, đóng 2005 Nhật DD 02/2021 SS 02/2023) với giá 6 triệu đô la Mỹ, giá tương đối thấp do tình trạng hầm hàng không được tốt. Hiện những tàu handysize đóng Trung Quốc giá giảm nhiều nhưng tàu Nhật giá không có gì thay đổi, một phần do nguồn cung tàu hạn chế.

Phân khúc tàu bách hóa, chủ tàu Nhật bán cặp tàu song sinh Siam Fortune và Siam Success (12.400 dwt đóng 2010/2011 Nhật) với giá khoảng 12,7 triệu usd một cặp, đây là tàu chất lượng cao, dạng mini bulker với thân đôi và 3 cầu xoay.

Ở mảng tàu dầu, các giao dịch dần đều ở cả thị trường tàu dầu thành phẩm lẫn tàu hóa chất với nhiều giao dịch mà chủ yếu đến từ phân khúc VLCC và MR. Cặp tàu hóa chất Reliance II và Advance II (~12.400 dwt, đóng 2006 Hàn) sau thương vụ không thành cuối tháng 10 vừa qua với giá 14,25 triệu đô la mỗi tàu thì hiện tại cặp tàu cũng đã bán xong với giá giảm hơn một chút là 14 triệu đô la mỗi tàu. Tàu già Harley (44.936 dwt, đóng 1997 Hàn) cũng vừa bán với giá 6 triệu đô la Mỹ. Hiện tại thị trường không còn nhiều tàu đóng Hàn có độ tuổi này, ghi nhận tương tự gần đây nhất là tàu Ocean Topaz (49.999 dwt, đóng 1999 Hàn) với giá hơn 7 triệu đô la Mỹ. Về tàu chở dầu thành phẩm, ghi nhận tàu Sakura Express (45.718 dwt, đóng 2004 Nhật) được bán cho Người mua Elsa Navigation với giá 11,5 triệu đô la Mỹ. Elsa Navigation cũng là Người mua tàu Astral Express (45.770 dwt, đóng 2002 Nhật) với giá 8,35 triệu đô la Mỹ tháng 9 vừa qua.

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Buyers	Price m.usd	Comment
BULKERS						
IVS Augusta	2015	Japan	57,689	Japanese	18.00	
Tenacity Bay	2009	China	56,843	Chinese	8.80	
Tatjana	2009	China	56,758	Chinese	8.90	
Meghna Princess	1995	Japan	47,600	Chinese	3.39	
Ms Atlantic	2010	China	33,200	Undisclosed	5.20	High draft 10.60, M/E Warsila 11,869 HP, Cr 4x25t, SS/DD Oct 2020
Lodestar Princess	2005	Japan	31,901	Undisclosed	6.00	DD Feb 2021, SS Feb 2023
Lake Hakone	2010	Japan	28,496	Undisclosed	7.50	DD Apr 2020, SS Apr 2022

Siam Fortune	2011	Japan	12,440	Undisclosed	12.70	Single decker, double hull, Cr 1x30t+2x30.5t, SS/DD Oct 2021
Siam Success	2010	Japan	12,427			Single decker, double hull, Cr 1x30t+2x30.5t, SS/DD May 2020
TANKERS						
New Medal	2009	China	297,556	Turkish	41.00	
New Globe	2009	China	296,481		41.00	
Ashkini Spirit	2003	Korea	165,209	Greek	19.40	
Speed Pioneer	2000	Japan	70,514	Undisclosed	6.10	
New Legend	2000	Japan	47,037	Winson Shipping	8.00	
Reliance II	2006	Korea	46,108	Undisclosed	14.00	Chemical IMO III
Advance II	2006	Korea	46,101		14.00	Chemical IMO III
Sakura Express	2004	Japan	45,718	Elsa Navigation	11.50	
Harley	1997	Korea	44,936	Undisclosed	6.00	Chemical IMO III, zinc-coated
CONTAINERS						
Verdi	2004	Korea	73,235	Global Ship Lease	24.50	5782 teu
Strauss	2004	Korea	73,235			5782 teu
OTHERS						
Takao Gas	1993	Japan	49,255	Undisclosed	13.00	LPG, 75358 cbm
Vulcan Gas	1993	Korea	19,632	Undisclosed	8.00	LPG, 20547 cbm, SS/DD Apr 2020

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần qua:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Container	23,888 teu	580.00	2	Hudong	Evergreen	2022	Price USD 145 million each
			2	Jiangnan Linhai			
Tanker	307,000 dwt	331.80	4	Dalian	China Merchants	Late 2021/ FH 2022	Price USD 82.95 million each
Tanker	Undisclosed	158.00	2	Samsung	European	Mar 2022	Aframax ice class tanker, price USD 79 million each
Tanker	50,000 dwt	Undisclosed	2	STX Korea	Island Navigation	2021	
Tanker	22,000 cbm	Undisclosed	2	Jiangnan Shipyard	Petreddec Holdings	May & Sep 2022	Ethylene carriers, price about USD 50 million each
LNG	18,600 cbm	Undisclosed	1	Hudong Zhonghua	MOL, Japan	2021	LNG bunkering

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Chỉ số phân khúc **Panamax** bất ngờ tăng thêm 458 đô la Mỹ, hiện đóng cửa ở mức 9.526 đô la Mỹ. Ở khu vực Thái Bình Dương, tàu *Astraea SB* (82.553 dwt, đóng 2009) được chốt nhận tại Zhanjiang đi đông Australia và trả tại khu vực Singapore-Japan với giá 11.750 đô la Mỹ. CSE chốt tàu *Ulusoy 12* (79.203 dwt, đóng 2011) nhận tại Kusan đi đông Australia và trả tại Taiwan với giá 11.500 đô la Mỹ. Ở khu vực Đại Tây Dương, Cargill chốt tàu *Spring Snow* (75.200 dwt, đóng 2010) nhận tại trạm phao số 0 bờ tây South America và trả tại khu vực Singapore-Japan với giá 13.150 đô la Mỹ/ngày cộng thêm 315.000 đô la Mỹ phí ballast. CJ International chốt tàu *Sea Gemini* (81.716 dwt, 2014) cho hành trình tương tự tàu *Spring Snow* với giá

khoảng 14.000 đô la Mỹ/ngày cộng thêm 400.000 phí ballast. Ở mảng thị trường định hạn, Ausca chốt tàu Myrsini (82.193 dwt, đóng 2010) nhận tại Karaikai và trả tại nơi bất kỳ với giá 11.500 đô la Mỹ.







Phân khúc **Supramax** tuần qua tăng nhẹ một chút, chỉ số BSI hiện đóng cửa ở mức 9.526 đô la Mỹ so với tuần trước đó là 9.277 đô la Mỹ. Ở thị trường Đại Tây Dương, tàu Sunny Royal (58.772 dwt, đóng 2011) được chốt nhận tại Egypt và trả tại bờ tây United States với giá 8.250 đô la Mỹ. Tại Biển Ấn, tàu Toros M (50.296 dwt, đóng 2002) được chốt giao tại Jeddah đi Eilat và trả tại India với giá 14.500 đô la Mỹ. Tàu Amber L (47.282 dwt, đóng 2000) được chốt nhận tại Bahrain đi Arabian Gulf và trả tại China với giá 10.000 đô la Mỹ. Ở Thái Bình Dương, tàu Sunny Horizon (56.686 dwt, đóng 2012) được chốt nhận tại Vietnam đi Hong Kong, dự kiến chở cát với giá 8.250 đô la Mỹ. Tàu Rui Ning 3 (53.492 dwt, đóng 2010) được chốt nhận tại Basuo và trả tại China, dự kiến chở clinker với giá 10.000 đô la Mỹ. Tàu Nasco Jade (56.316 dwt, đóng 2010) được chốt nhận tại Nanjing đi Arabian Gulf với giá 6.750 đô la Mỹ. Cuối cùng là tàu Fukuyama Star (63.700 dwt, đóng 2017) được chốt nhận tại Nagoya đi phía Bắc Thái Bình Dương và trả tàu tại Japan với giá 10.000 đô la Mỹ.

Phân khúc **Handy** tuần qua tăng nhưng không đáng kể, chỉ số đóng cửa ở mức 7.367 đô la Mỹ so với tuần trước đó là 7.326 đô la Mỹ. Ở thị trường Đại Tây Dương, tàu Allegra (24.173 dwt, 2012) được chốt nhận tại Recalada đi West Africa chở ngũ cốc với giá 12.000 đô la Mỹ cộng thêm 30.000 đô la Mỹ phí ballast và tàu Emerald Bay (32.311 dwt, đóng 2018) được chốt nhận tại Brazil đi phía đông Mediterranean chở đường với giá 11.000 đô la Mỹ. Tại khu vực Thái Bình Dương, tàu Chilean Bulker (39.300 dwt, đóng 2019) được chốt nhận tại Vietnam chở aggregate đi Singapore với giá 8.500 đô la Mỹ. Có tin đồn một tàu 34k dwt được chốt với giá khoảng 9.000 đô la Mỹ, tàu được giao theo nguyên trạng tại Singapore cho hành trình khứ hồi tới Australia. Ở mảng thị trường định hạn, Norden chốt tàu Federica (36.712 dwt, đóng 2012) được chốt nhận tại Marmara để khai thác trong vòng 3-5 tháng với giá 10.000 đô la Mỹ.

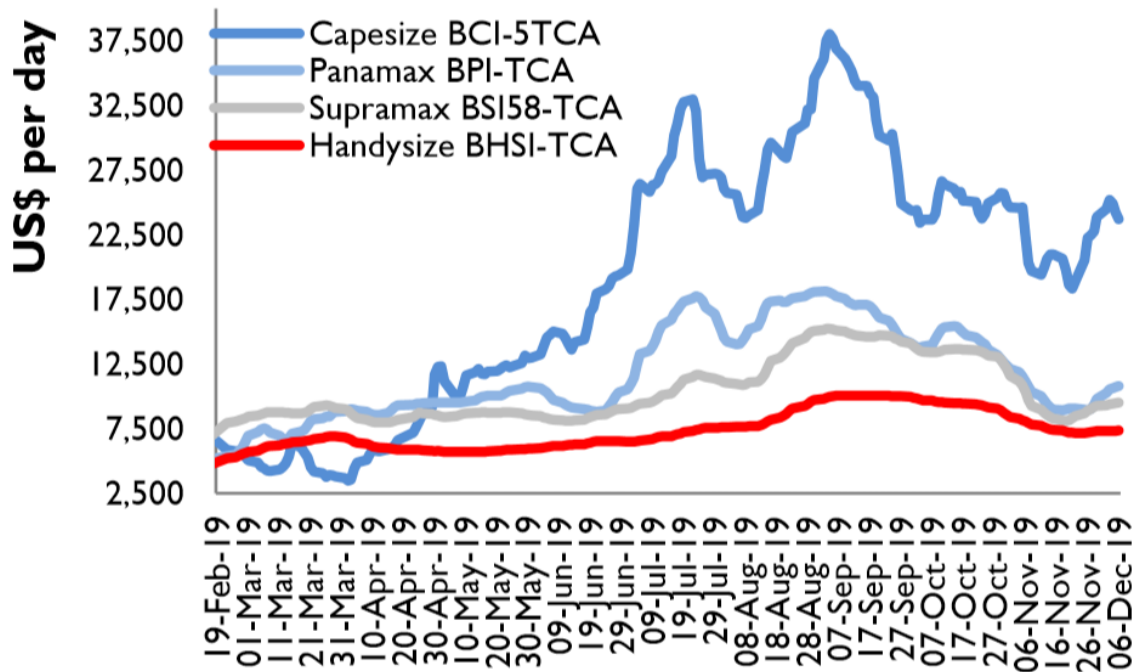
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 49 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 49	TUẦN 48	Mức thấp nhất năm 2019 (cập nhật tới Tuần 49)	Mức cao nhất năm 2019 (cập nhật tới Tuần 49)
TRANSATLANTIC RV	11,890	8,245	2,200	21,345
TCT CONT/F.EAST	17,591	18,010	1,200	29,714
TCT F.EAST/CONT	4,111	3,750	810	6,589
TCT F.EAST RV	9,985	7,956	4,400	16,181
RATES/SUPRAMAXSIZE (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	12,161	9,420	5,000	18,389
PACIFIC RV	8,279	8,100	5,800	12,786
TCT CONT/F.EAST	16,586	13,610	12,000	28,686

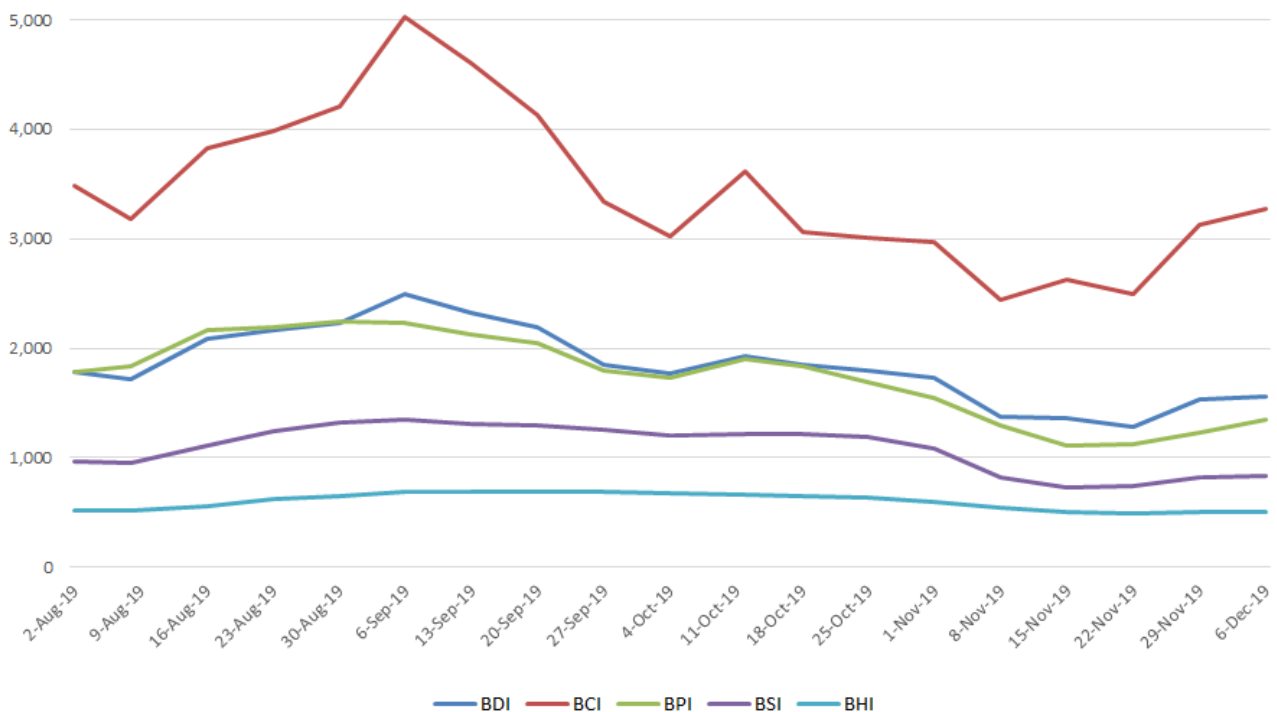
GIÁ THUÊ TÀU HÀNG KHÔ NGÀY 06/12/2019

	US\$/ngày	 / 
CAPE SIZE	23,704	 161
PANAMAX	10,794	 972
SUPRAMAX	9,526	 249
SMALL HANDY	7,367	 41

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước)



CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu hàng dầu

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU VLCC

Càng gần đến dịp giáng sinh và cuối năm, nhu cầu chuyên chở càng nhiều kéo theo mức cước tăng lên nhanh chóng. Tuy chỉ số đã tăng song tình hình hoạt động của thị trường VLCC đang hết sức khó khăn vì hàng hóa bị thất chặt ở phía đông, cộng thêm nhiều báo cáo ghi nhận lượng hàng hóa bị hụt ở khu vực MEG. Tuyến MEG/West tăng nhưng không nhiều, hiện dao động qua mức WS \$55. Các tuyến MEG đến Japan, Singapore đều đang khả quan và dao động ở mức hơn WS \$90 điểm. Dự báo cho thấy các chủ tàu đang cố đẩy mạnh

hoạt động hơn để thu hút thêm nhiều nhu cầu hàng hóa để mức cước có thể nhanh chóng khôi phục lại con số khả quan trên 100 điểm vào tuần tới.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
MEG/West	VLCC	55,0	40,0	18,0	120,0
MEG/Japan	VLCC	95,0	65,0	38,0	180,0
MEG/Singapore	VLCC	96,0	67,0	38,0	180,0
WAFR/EAST	260.000	95,0	73,0	39,0	180,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	VLCC	50.000	48.000	55.0000	28.000

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU AFRAMAX:

Trái với tình hình không ổn định của thị trường VLCC, thị trường Aframax tuần qua lại khả quan vượt mong đợi. Mức cước quanh khu vực Baltic và North Sea đều tăng. Cước tuyến N/Afr/Euromed hiện ghi nhận ở mức WS \$187 điểm và tuyến UK/Cont ở mức WS \$ 170 điểm. Một phần là do chính sách thắt chặt tàu chuyên chở ở khu vực North Sea cho đến giữa tháng 12 này đã làm cho mức cước tại đây tăng nhanh chóng. Hiện tại nhiều tàu đang dỡ hàng tại North Sea và sẽ chất thêm hàng hóa cho đợt vận chuyển mới từ ngày 14 – 20/12. Ở chiều ngược lại, khu vực Mediterranean và Black Sea lại có phần ảm đạm hơn một chút do tình trạng dư thừa tàu. Tuyến Carbs/USG giảm nhẹ 3 điểm và hiện dao động ở mức WS \$187. Theo tình hình hiện tại thì mức cước thị trường tàu Aframax vẫn sẽ tiếp tục ổn định trong thời gian tới.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
N.Afr/Euromed	80.000	187,5	120,0	80,0	225,0
UK/Cont	80.000	170,0	130,0	80,0	195,0
Caribs/USG	70.000	187,5	190,0	67,5	240,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	Aframax	26.000	26.000	26.500	18.000

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU MR:

Phân khúc tàu MR phía đông Suez: Theo báo cáo, cước ở các khu vực chính đều giảm nhẹ đôi chút. Báo cáo ghi nhận trên khu vực từ WC.India đi Japan giảm nhẹ 2 điểm, hiện dao động quanh mức WS \$180. Trong khi đó ở thị trường Far East, cước trên tuyến S.Korea/Japan lại bất ngờ tăng thêm 40 điểm và hiện dao động quanh mức WS \$370’.

Phân khúc tàu MR phía tây Suez: Cước trên các tuyến thị trường phía tây tuần qua cũng giảm nhẹ. Theo ghi nhận, cước trên tuyến UKC/USAC sụt hẳn 20 điểm, hiện dao động quanh mức WS \$160. Riêng tuyến USG/UCK-Med vẫn duy trì ổn định, hiện dao động quanh mức WS \$115.

- Cước thuê tàu theo chuyên:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
WCI/Japan	38.000	180,0	182,5	105,0	230,0
UKC-Med/States	38.000	160,0	180,0	90,0	180,0
USG/UCK-Med	38.000	115,0	115,0	67,5	145,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	MR	17.500	17.250	17.500	13.250

4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt ldt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	365		375	
2	Pakistan	355	▲ 15	375	▲ 15
3	India	355	▼ 5	365	▼ 5
4	Turkey	235	▲ 25	245	▲ 5

(đơn vị tính : usd/lt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 49/2019

Tên Tàu	Loại tàu	Năm Đóng	LDT	Nước phá dỡ	Giá (US\$/lt ldt)	Dwt	Comments
Hercules I	FPSO	1993	40,970	Undisclosed	340.00	299,700	As is Singapore, icl 450 tons sludge on board
Perintis	FSO	198	24,200	Undisclosed	320.00	94,236	As is Labuan
MSC Namibia II	Container	1991	8,177	India	390.00	31,829	
Tan Cang Victory	Container	2003	2,730	India	Undisclosed	6,204	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS MUA – BÁN TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.